

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MTV
ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2638/QĐ-PCHP

Hải Phòng, ngày 19 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy định lập dự toán dịch vụ khách hàng áp dụng
trong Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng**

**GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Căn cứ Bộ quy trình kinh doanh điện năng áp dụng trong Tổng Công ty Điện lực miền Bắc ban hành kèm theo quyết định số 622/QĐ-EVNNPC ngày 15/05/2012 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc;

Căn cứ mô hình tổ chức sản xuất của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng;

Theo đề nghị của các ông (bà): Trưởng phòng KD&ĐNT, Kế toán trưởng Công ty,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay, ban hành kèm theo quyết định này Quy định lập dự toán dịch vụ khách hàng áp dụng trong Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế cho công văn số 1036/CV-PCHP ngày 10/04/2013, v/v ban hành mẫu dự toán lắp đặt công tơ 1 pha, 3 pha của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng.

Điều 3. Các Ông (Bà) Giám đốc các Điện lực và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TTĐU, TTCĐ, TTĐTN;
- Các Phó GĐốc Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Các phòng, ban Công ty;
- Các Điện lực;
- Trung tâm TND;
- Lưu: VT, P5.

GIÁM ĐỐC



Vũ Đức Hoan

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MTV
ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**



EVNNPC
PC HAI PHONG
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG

QUY ĐỊNH
LẬP DỰ TOÁN DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG ÁP DỤNG TRONG
CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
(Ban hành kèm theo QĐ số 2638/QĐ-PCHP, ngày 19/11/2013)

Hải Phòng, Tháng 11 năm 2013

QUY ĐỊNH
LẬP DỰ TOÁN DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG ÁP DỤNG TRONG
CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG

(Ban hành kèm theo QĐ số 2638 /QĐ-PCHP, ngày 19 /11/2013)

I. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Mục đích

Quy định này nhằm mục đích thống nhất thực hiện biểu mẫu dự toán dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty, tuân thủ đúng quy định hiện hành của Nhà nước, quy trình kinh doanh của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, không ngừng nâng cao công tác chăm sóc, dịch vụ khách hàng.

2. Phạm vi áp dụng

Quy định về việc lập dự toán dịch vụ khách hàng được áp dụng trong các trường hợp lập dự toán dịch vụ: Lắp mới; bồi thường; nâng công suất; di chuyển; khôi phục hệ thống đo đếm theo yêu cầu của khách hàng (bao gồm công tơ, Ti, Tu...).

II. QUY ĐỊNH CHUNG

Dự toán dịch vụ khách hàng được lập theo quy định này phải đảm bảo tuân thủ trách nhiệm thanh toán chi phí của các bên và phải được thể hiện rõ trong bảng dự toán chi tiết.

1. Các khoản chi phí do Điện lực đầu tư

- Công tơ, Ti, Tu (trừ trường hợp có thỏa thuận khác); thiết bị bảo vệ sau công tơ (áp tô mát hoặc cầu chì...); hộp công tơ; phụ kiện để treo công tơ; dây dẫn điện đến công tơ (dây dẫn, xà, sứ, ghíp...);

- Chi phí nhân công để lắp đặt từ lưới phân phối hạ áp đến công tơ và thiết bị bảo vệ công tơ;

- Thuế và các chi phí khác theo quy định của Nhà nước.

2. Các khoản chi phí do khách hàng thanh toán

- Vật tư và nhân công để lắp đặt dây sau công tơ (cáp điện, dây dẫn, xà, sứ,...);

- Thuế và các chi phí khác theo quy định của Nhà nước.

3. Nếu khách hàng có nhu cầu thay đổi vị trí hệ thống đo đếm điện (thay đổi cấp điện áp mua điện, thay đổi vị trí đặt hệ thống đo đếm điện...)

- Toàn bộ chi phí để thay đổi hệ thống đo đếm do khách hàng thanh toán (trừ công tơ).

III. NỘI DUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ, về việc quy định mức lương tối thiểu vùng, áp dụng từ ngày 01/01/2013;
- Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Quyết định số 7606/BCT-NL ngày 05/8/2009 của Bộ Công thương về ban hành tập đơn giá xây dựng chuyên ngành xây lắp công trình đường dây và trạm biến áp;
- Quyết định số 366/EVN/HĐQT-KTDT ngày 28/12/2000 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam), về việc ban hành định mức dự toán sửa chữa lưới điện;
- Quy trình cấp điện trong bộ quy trình kinh doanh của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, ban hành kèm theo quyết định số 622/QĐ-EVN NPC ngày 15/5/2012 của NPC;
- Quyết định số 881/QĐ-PCHP ngày 09/5/2013 của Công ty ĐLHP, về việc ban hành quy định trình tự thủ tục thay tháo lẻ công tơ 1 pha trong hộp công tơ công xướng hóa;
- Căn cứ tình hình thực tế thực hiện công tác dịch vụ khách hàng tại Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng.

Điều 2. Phương pháp xây dựng đơn giá.

1. Đối với đơn giá VTTB

- Yêu cầu: Đơn giá VTTB trong dự toán được tính theo đơn giá VTTB mới và không được thấp hơn đơn giá VTTB xuất kho.
- Về áp dụng đơn giá: Đơn giá VTTB khách hàng phải thanh toán áp theo giá VTTB nhận điều chuyển từ Công ty hoặc đơn vị mua về theo phân cấp, nhập kho tại thời điểm gần nhất cộng với 10% chi phí quản lý hàng tại kho, chi phí thí nghiệm, phí lưu kho bãi...;
- Về đơn giá vật tư thu hồi: Áp dụng theo danh mục đơn giá vật tư thu hồi ban hành theo quyết định của Giám đốc Công ty ở quý gần nhất.

2. Đối với nhân công dịch vụ

- Đơn giá nhân công dịch vụ được tính theo đơn giá ngày cộng tại Quyết định số 7606/BCT-NL ngày 05/8/2009 của Bộ Công thương (mức lương thời điểm xây dựng đơn giá 7606 là 650.000đ) nhân với hệ số điều chỉnh mức lương theo Nghị định 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ.
- Hệ số điều chỉnh mức lương: Đối với vùng I gồm các quận và huyện Thủy Nguyên, An Dương, An Lão, Vĩnh Bảo áp dụng mức lương 2.350.000đ có hệ số

điều chỉnh là 3,615 lần, vùng II là các huyện còn lại áp dụng mức lương 2.100.000đ có hệ số điều chỉnh là 3,231 lần. Khi Nhà nước thay đổi mức lương tối thiểu vùng Công ty sẽ ban hành quyết định điều chỉnh đơn giá để các đơn vị áp dụng thống nhất.

- Nhân công khách hàng phải thanh toán bao gồm 2 phần chính như sau:

+ Phần nhân công khảo sát, lập dự toán: Tính cố định theo địa bàn cấp điện .

+ Phần nhân công tháo dỡ, lắp đặt VTTB do khách hàng thanh toán: Phần nhân công này biến động tùy thuộc vào nội dung công việc và khối lượng VTTB phải thực hiện, bậc thợ và số công được áp theo định mức 366EVN/HĐQT-KTDT ngày 28/12/2000 của EVN.

3. Đối với chi phí vận chuyển

- Để các đơn vị thuận lợi trong việc lập dự toán, căn cứ các quy định về cước phí vận tải, chi phí ca máy của Nhà nước và Thành phố ban hành, Công ty xây dựng bảng tính chi phí vận chuyển công trình dịch vụ trên cơ sở tổng hợp các chi phí liên quan như chi phí bốc xếp VTTB, CCDC; nhiên liệu sử dụng; khấu hao phương tiện, nhân công điều khiển phương tiện, phí bảo trì...Có tính đến hệ số điều chỉnh theo quãng đường (hệ số K)

- Chi phí vận chuyển của một công trình dịch vụ gồm 2 phần là phần chi phí cố định (gồm chi phí khấu hao phương tiện, chi phí sửa chữa, phí bảo trì đường bộ, chi phí khác) và phần chi phí biến động (gồm chi phí bốc xếp VTTB, CCDC, chi phí vận hành phương tiện, chi phí nhiên liệu).

+ Phần chi phí cố định: Tùy theo từng loại công việc Công ty quy định mức chi phí cố định phù hợp.

+ Phần chi phí biến động: Được tính theo quãng đường vận chuyển khối lượng VTTB khách hàng phải thanh toán (thông thường quãng đường vận chuyển được tính từ trụ sở Điện lực đến địa điểm lắp đặt), quãng đường vận chuyển áp dụng hệ số điều chỉnh K (có bảng tính kèm theo)

→ Chi phí vận chuyển của một công trình dịch vụ sẽ được bằng chi phí cố định nhân với hệ số K.

4. Phần chi phí chung

- Các đơn vị tính chi phí chung bằng 65% nhân công trực tiếp.

Điều 3. Quy định chi tiết một số nội dung của dự toán dịch vụ

1. Đối với dự toán lắp mới công tơ 1 pha, 3 pha -

1.1 Phần VTTB Công ty đầu tư:

Yêu cầu phải ghi đúng, đủ quy cách, chủng loại, thông số kỹ thuật cơ bản của từng VTTB, về đơn giá dự toán các đơn vị áp theo giá xuất VTTB cùng chủng loại ở thời điểm lập dự toán.

1.2 Trường hợp có vật tư thu hồi (như dòn hộp)

- Các đơn vị áp đơn giá vật tư thu hồi theo danh mục đơn giá vật tư thu hồi ban hành theo quyết định của Giám đốc Công ty ở quý gần nhất.

1.3 Phần VTTB khách hàng thanh toán

Xác định phần VTTB khách hàng phải thanh toán theo điều 9 Quy trình cấp điện của NPC, đơn giá áp theo giá VTTB nhận điều chuyển từ Công ty hoặc đơn vị mua về theo phân cấp nhập kho tại thời điểm gần nhất cộng với 10% chi phí quản lý hàng tại kho, chi phí thí nghiệm, phí lưu kho bãi.... Trường hợp trong cùng thời điểm nếu giá từng loại VTTB nhận điều chuyển từ Công ty hoặc đơn vị mua không bằng nhau thì các đơn vị áp theo mức giá cao hơn.

1.4 Phần nhân công khách hàng thanh toán, gồm:

- Phần nhân công khảo sát, lập dự toán: Cả 2 trường hợp lắp đặt công tơ 1 pha, 3 đều tính bằng 0,3 công, áp dụng bậc thợ 3,5/7, đơn giá ngày công đơn vị tra theo bảng tính của Công ty;

- Phần nhân công lắp đặt VTTB chính:

+ Nhân công lắp đặt dây ra, kiểm tra đấu nối hoàn chỉnh bằng số công nhân đơn giá ngày công, trong đó số công gồm công kéo rải dây ra cộng với công kiểm tra, đấu nối:

++ Công kéo rải dây ra tính theo ĐM366: Đối với cáp 1 pha bằng chiều dài dây ra (m) nhân với định mức bình quân 0,028 công/m; cáp 3 pha bằng chiều dài dây ra (m) nhân với định mức bình quân 0,04 công/m.

++ Công kiểm tra, đấu nối phía phụ tải khách hàng: Tính cố định theo từng loại cáp: Đối với cáp 1 pha tính bằng 0,3 công, đối với cáp 3 pha tính bằng 0,5 công.

→ Công lắp đặt dây ra, kiểm tra đấu nối hoàn chỉnh sẽ bằng tổng công kéo rải+ công đấu nối.

+ Nhân công lắp đặt VTTB chính khác (nếu có) như Ti, Tu, cầu dao, AB: Bằng số công (đơn vị tra theo ĐM366) nhân với đơn giá ngày công của bậc thợ tương ứng.

1.5 Phần chi phí vận chuyển khách hàng thanh toán

Chi phí vận chuyển các đơn vị tính gộp vào 1 dòng trên dự toán, gồm:

+ Phần chi phí cố định: Tính theo công việc lắp đặt, đối với công tơ 1 pha là 50.000đ/khách hàng, đối với công tơ 3 pha là 70.000đ/khách hàng. Trường hợp 1 dự toán lập cho nhiều khách hàng thì mỗi khách hàng tăng thêm được cộng thêm 20.000đ.

+ Phần chi phí biến động: Không phân biệt lắp công tơ 1 pha hay 3 pha, chi phí biến động được tính theo quãng đường vận chuyển áp dụng hệ số điều chỉnh K

(dưới 5km K=1.2; từ 5-dưới 10km K=1.4; từ 10-dưới 15km K=1.6; từ 15-dưới 20km K=1,8; trên 20km K=2.0).

→ Chi phí vận chuyển = Chi phí cố định * K

2. Đối với dự toán bồi thường công tơ

Thực tế có một số trường hợp sau:

- Trường hợp 1: Công tơ cháy xác định do chủ quan từ phía khách hàng, các Điện lực lập dự toán yêu cầu khách hàng bồi thường giá trị công tơ mới cùng chủng loại và chi phí khảo sát, lập dự toán, chi phí tháo lắp, chi phí vận chuyển VTTB, CCDC...

- Trường hợp 2: Cá nhân hoặc tập thể khác làm vỡ hỏng cả hộp công tơ và VTTB khác trên lưới do va đập, cháy chập và các nguyên nhân khác thì cá nhân và tập thể phải có bồi thường toàn bộ giá trị hộp công tơ, VTTB khác theo giá vật tư mới và các chi phí khác như trường hợp cháy hỏng công tơ nêu trên.

2.1 Phần VTTB Công ty đầu tư

- Trường hợp mở hòm để thay lẻ công tơ thì không phát sinh phần VTTB Công ty đầu tư; Trường hợp thay hộp công xường hóa thì phát sinh hộp công tơ (có thể là hộp 1,2,3,4 công tơ) và VTTB dùng để lắp, đấu nối hộp công tơ, khi đó các đơn vị áp giá VTTB như hướng dẫn tại phần lắp mới.

2.2 Phần vật tư thu hồi

- Phần thu hồi phải thể hiện toàn bộ khối lượng vật tư được tháo dỡ (trừ phần VTTB khách hàng đã bồi thường). Đơn vị áp đơn giá vật tư thu hồi theo danh mục đơn giá vật tư thu hồi ban hành theo quyết định của Giám đốc Công ty ở quý gần nhất.

- Các đơn vị chỉ được bàn giao lại cho khách hàng phần VTTB khách hàng đã bồi thường sau khi đã hoàn thiện các thủ tục về kinh doanh theo quy định. Khi bàn giao phải lập biên bản làm chứng từ quyết toán công trình.

- Trường hợp không thu hồi được hoặc vật tư thu hồi không còn giá trị sử dụng đơn vị lập biên bản hủy tại chỗ theo quy định về quản lý vật tư.

2.3 Phần VTTB khách hàng thanh toán

- Phần VTTB khách hàng phải thanh toán, yêu cầu phải ghi đúng, đủ quy cách, chủng loại, thông số kỹ thuật cơ bản của công tơ thay thế, về đơn giá đơn vị áp theo thông báo giá của Công ty tại thời điểm gần nhất cộng với 10% chi phí quản lý hàng tại kho, chi phí thí nghiệm, phí lưu kho bãi...;

2.4 Phần nhân công khách hàng thanh toán, gồm:

- Phần nhân công khảo sát, lập dự toán: Tính như dự toán lắp mới công tơ 1 pha, 3 pha.

- Phần nhân công tháo lắp công tơ: Tính bằng số công tháo+ số công lắp cho từng loại công tơ 1 pha, 3 pha theo ĐM366 nhân với đơn giá ngày công của bậc thợ tương ứng.

- Phần nhân công tháo lắp VTTB chính khác (nếu có): Bằng số công (đơn vị tra theo ĐM366) nhân với đơn giá ngày công của bậc thợ tương ứng.

→ Nhân công khách hàng thanh toán sẽ bằng tổng nhân công khảo sát, lập dự toán+ nhân công tháo lắp công tơ, VTTB chính khác (nếu có).

2.5 Phần chi phí vận chuyển khách hàng thanh toán

Chi phí vận chuyển các đơn vị tính gộp vào 1 dòng trên dự toán, gồm:

+ Phần chi phí cố định: Tính theo công việc tháo lắp công tơ 1 pha, 3 pha, đối với công tơ 1 pha là 30.000đ/công tơ, đối với công tơ 3 pha là 50.000đ/công tơ.

+ Phần chi phí biến động: Không phân biệt công tơ 1 pha hay 3 pha, chi phí biến động được tính theo quãng đường vận chuyển áp dụng hệ số điều chỉnh K (dưới 5km K=1.2; từ 5-dưới 10km K=1.4; từ 10-dưới 15km K=1.6; từ 15-dưới 20km K=1,8; trên 20km K=2.0).

→ Chi phí vận chuyển = Chi phí cố định * K

2.6 Trường hợp cháy hỏng khác.

- Trường hợp cá nhân hoặc tập thể khác làm vỡ hỏng cả hộp công tơ và VTTB khác trên lưới do va đập, cháy chập và các nguyên nhân khác thì cá nhân và tập thể phải có bồi thường toàn bộ giá trị hộp công tơ, VTTB khác.

- Phần thu hồi gồm toàn bộ khối lượng VTTB tháo dỡ (trừ phần VTTB khách hàng đã bồi thường).

- Phần nhân công gồm chi phí khảo sát, lập dự toán và chi phí tháo dỡ+ lắp mới. Nhân công khảo sát lập dự toán đơn vị tính như trường hợp bồi thường công tơ cháy, nhân công lắp đặt được bằng tính số công tháo+ công lắp hộp và VTTB (áp theo ĐM366) nhân với đơn giá ngày công theo từng vùng.

- Phần chi phí vận chuyển: Đơn vị vận dụng cách tính chi phí vận chuyển đối với trường hợp bồi thường công tơ như phần trên (tra theo bảng tính)

3. Đối với dự toán nâng công suất công tơ

Trường hợp nâng công suất công tơ theo đề nghị của khách hàng, đơn vị áp dụng điều 9.2 Quy trình cấp điện của NPC năm 2012 để lập dự toán.

3.1 Phần VTTB Công ty đầu tư

- Trường hợp mở hòm để thay lẻ công tơ thì phát sinh phần công tơ do Công ty đầu tư, trường hợp thay hộp công xường hóa thì phát sinh hộp công tơ (có thể là hộp 1,2,3,4 công tơ) và VTTB đấu nội hộp công tơ, khi đó các đơn vị áp giá VTTB như hướng dẫn tại phần lắp mới.

3.2 Phần vật tư thu hồi

- Phần thu hồi phải thể hiện toàn bộ khối lượng vật tư được tháo dỡ. Đơn vị áp đơn giá vật tư thu hồi theo danh mục đơn giá vật tư thu hồi ban hành theo quyết định của Giám đốc Công ty ở quý gần nhất.

3.3 Phần VTTB khách hàng thanh toán

- Trường hợp mở hộp để thay lẻ công tơ thì chỉ tính vật liệu phụ như băng dính, bulong, vít,...; Trường hợp thay hộp công xường hóa thì áp theo giá hộp mới lắp 1 công tơ (không tính giá trị công tơ) và vật liệu phụ như băng dính, bulong, vít,...; Trường hợp nâng công suất từ công tơ 1 pha lên công tơ 3 pha thì ngoại trừ giá trị công tơ 3 pha còn lại các VTTB khác khách hàng phải trả tiền.

- Đơn giá áp theo giá VTTB nhận điều chuyển từ Công ty hoặc đơn vị mua về theo phân cấp nhập kho tại thời điểm gần nhất cộng với 10% chi phí quản lý hàng tại kho, chi phí thí nghiệm, phí lưu kho bãi...;

3.4 Phần nhân công khách hàng thanh toán, gồm:

- Phần nhân công khảo sát, lập dự toán: Tính như dự toán lắp mới công tơ 1 pha, 3 pha.

- Phần nhân công tháo lắp VTTB:

+ Trường hợp mở hộp thay lẻ công tơ: Nhân công bằng đơn giá ngày công của bậc thợ tương ứng nhân với số công tháo+ số công lắp công tơ (áp theo ĐM366);

+ Trường hợp thay hộp công xường hóa: Nhân công bằng đơn giá ngày công của bậc thợ tương ứng nhân với số công tháo hộp+ số công treo hộp công tơ (áp theo ĐM366);

+ Trường hợp nâng công suất công tơ 3 pha: Nhân công bằng đơn giá ngày công của bậc thợ tương ứng nhân với số công tháo công tơ hoặc hộp công tơ+ công lắp công tơ hoặc hộp công tơ 3 pha (áp theo ĐM366) + công kéo rải, đấu nối cáp 3 pha nếu có (tính như phần lắp mới công tơ 3 pha)

+ Nhân công tháo lắp VTTB chính khác (nếu có): Bằng số công (áp theo ĐM366) nhân với đơn giá ngày công của bậc thợ tương ứng.

3.5 Phần chi phí vận chuyển khách hàng thanh toán

Chi phí vận chuyển các đơn vị tính gộp vào 1 dòng trên dự toán, gồm chi phí vận chuyển VTTB lắp mới và vật tư thu hồi.

- Trường hợp mở hộp thay lẻ công tơ: Chi phí vận chuyển tính như phần bồi thường công tơ cháy;

+ Trường hợp thay hộp công xường hóa: Chi phí vận chuyển như chi phí lắp mới hộp công tơ.

4. Đối với dự toán di chuyển hộp công tơ theo đề nghị của KH

Trường hợp di chuyển hộp công tơ theo đề nghị của khách hàng, thì toàn bộ chi phí phát sinh do khách hàng thanh toán (trừ công tơ).

4.1 Phần VTTB Công ty đầu tư

- Trường hợp mở hòm để tháo thu hồi công tơ cũ, lắp mới công tơ tại vị trí di chuyển thì phát sinh phần công tơ do Công ty đầu tư, trường hợp thay hộp công xường hóa thì phát sinh hộp công tơ (có thể là hộp 1,2,3,4 công tơ) và VTTB đấu nối hộp công tơ, khi đó các đơn vị áp giá VTTB như hướng dẫn tại phần lắp mới.

4.2 Phần vật tư thu hồi

- Phần thu hồi phải thể hiện toàn bộ khối lượng vật tư, thiết bị tháo dỡ.

4.3 Phần VTTB khách hàng thanh toán

- Khách hàng có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khối lượng VTTB phát sinh như vật tư đấu nối cấp vào, phụ kiện treo hộp, dây ra sau công tơ (nếu có), phụ kiện đỡ dây ra và vật liệu phụ khác.

- Đơn giá áp theo giá VTTB nhận điều chuyển từ Công ty hoặc đơn vị mua về theo phân cấp nhập kho tại thời điểm gần nhất cộng với 10% chi phí quản lý hàng tại kho, chi phí thí nghiệm, phí lưu kho bãi...;

4.4 Phần nhân công khách hàng thanh toán, gồm:

- Phần nhân công khảo sát, lập dự toán: Tính như dự toán lắp mới công tơ 1 pha, 3 pha.

- Phần nhân công tháo lắp VTTB: Nhân công bằng đơn giá ngày công của bậc thợ tương ứng nhân với số công tháo hộp công tơ ở vị trí cũ+ công lắp công tơ ở vị trí mới (áp theo ĐM366) + công kéo rãnh, đấu nối cấp nếu có (tính như phần lắp mới công tơ)

4.5 Phần chi phí vận chuyển khách hàng thanh toán

Các đơn vị tính chi phí vận chuyển như trường hợp lắp mới hộp công tơ

5. Đối với dự toán khôi phục công tơ

Trường hợp khách hàng không sử dụng điện liên tục trong 6 tháng, đơn vị cắt điện theo quy trình kinh doanh, khi khách hàng có nhu cầu sử dụng lại Điện lực lập dự toán khôi phục lại điện cho khách hàng. Phần chi phí trực tiếp trên dự toán chỉ có khoản mục nhân công kiểm tra công tơ trên cột, kiểm tra dây ra sau công tơ và công đóng điện.

- Phần nhân công khách hàng thanh toán: Đối với khôi phục công tơ 1 pha tính 0,5 công; đối với khôi phục công tơ 3 pha tính 1,0 công áp dụng bậc thợ 3,5/7 đơn giá ngày công theo từng vùng;

- Phần tổng hợp dự toán tính như biểu mẫu gửi kèm.

Điều 4. Phần phụ lục kèm theo

4.1. Mẫu dự toán, gồm:

- Dự toán lắp đặt công tơ 1 (3) pha;
- Dự toán bồi thường công tơ cháy, hỏng;
- Dự toán nâng công suất công tơ;
- Dự toán di chuyển công tơ;
- Dự toán khôi phục công tơ;

4.2. Định mức, đơn giá, gồm:

- Bảng tính đơn giá nhân công;
- Bảng tính chi phí vận chuyên;
- Lược trích một số định mức công theo quyết định 366;

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành và được áp dụng thống nhất tại tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty.

2. Những dự toán dịch vụ đơn vị đã lập nhưng tính đến ngày quy định này có hiệu lực mà khách hàng chưa nộp tiền các đơn vị tiến hành lập lại theo quy định đã nêu.

3. Đối với những công việc dịch vụ khác không nêu trong quy định này các đơn vị thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước, của EVN, NPC và của Công ty.

4. Giám đốc Công ty yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị phản ánh về Công ty để có chỉ đạo kịp thời.

Mã CT: 00.00.00.0000.00

DỰ TOÁN LẮP ĐẶT CÔNG TƠ 1 PHA
(Theo đề nghị của khách hàng)

Tên công trình:

Theo yêu cầu của bên mua điện:

Đại diện là ông (bà):

Chức vụ:

Địa chỉ:

Phường (xã):

Quận (huyện):

TP Hải Phòng

Căn cứ lập dự toán:

- Nghị định 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ, về việc quy định mức lương tối thiểu vùng, áp dụng từ ngày 01/01/2013;
- Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Quyết định số 7606/BCT-NL ngày 05/8/2009 của Bộ Công thương về ban hành tập đơn giá xây dựng chuyên ngành xây lắp công trình đường dây và trạm biến áp;
- Quyết định số 366/EVN/HĐQT-KTDT ngày 28/12/2000 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam), về việc ban hành định mức dự toán sửa chữa lưới điện;
- Quy trình cấp điện trong bộ quy trình kinh doanh của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, ban hành kèm theo quyết định số 622/QĐ-EVN NPC ngày 15/5/2012 của NPC;

Nội dung công việc:

Loại hộp (công tơ):

Cột:

Trạm biến áp:

Đội KDBĐ:

Sơ đồ kỹ thuật+ Thuyết minh:

TT	Tên, quy cách vật tư; Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Phần Công ty ĐLHP đầu tư					
I	Vật liệu					Xem mục 1.1
1					
2					
III	Vật tư thu hồi					Xem mục 1.2
1					
2					
B	Phần KH thanh toán					
I	Vật liệu					Xem mục 1.3
1					
2					
II	Nhân công					Xem mục 1.4
1	Nhân công khảo sát, lập dự toán	công				

TT	Tên, quy cách vật tư; Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
2	Nhân công kéo rải dây, đấu nối hoàn chỉnh	công				
III	Vận chuyển	đồng				Xem mục 1.5

TỔNG HỢP PHẦN KHÁCH HÀNG THANH TOÁN

1.	Chi phí vật liệu (A)	A	-
2.	Chi phí nhân công (B)	B	-
3.	Chi phí vận chuyển (C)	C	-
4.	Trực tiếp phí khác (D)	$D=2\%(A+B+C)$	-
5.	Chi phí chung (E)	$E=65\%B$	-
6.	Thu nhập chịu thuế tính trước (F)	$F=6\%(A+B+C+D+E)$	-
	Cộng chi phí trước thuế (G)	$G=A+B+C+D+E+F$	-
	Thuế GTGT 10% (H)	$H=10\%G$	-
	Tổng cộng phần KH thanh toán (I)	$I=G+H$	-

TỔNG HỢP DỰ TOÁN

	<u>Trong đó:</u>		-
A.	Phần Công ty ĐLHP đầu tư		-
B.	Phần khách hàng thanh toán		-
	Làm tròn phần KH thanh toán:		-
	Bằng chữ:		

Hải Phòng, ngày tháng năm

KHÁCH HÀNG

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

PHÒNG KH-KT-AT
(hoặc **PHÒNG KD**)
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu)

Chứng từ số:.....Ngày.....

Số tiền:.....

Thủ quỹ (hoặc kế toán)

(Ký, đóng dấu)

Lưu ý: KH không phải nộp thêm bất kỳ khoản chi phí nào ngoài số tiền trên dự toán được duyệt.

Mã CT: 00.00.00.0000.00

DỰ TOÁN LẮP ĐẶT CÔNG TƠ 3 PHA
(Theo đề nghị của khách hàng)

Tên công trình:

Theo yêu cầu của bên mua điện:

Đại diện là ông (bà):

Chức vụ:

Địa chỉ:

Phường (xã):

Quận (huyện):

TP Hải Phòng

Căn cứ lập dự toán:

- Nghị định 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ, về việc quy định mức lương tối thiểu vùng, áp dụng từ ngày 01/01/2013;
- Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Quyết định số 7606/BCT-NL ngày 05/8/2009 của Bộ Công thương về ban hành tập đơn giá xây dựng chuyên ngành xây lắp công trình đường dây và trạm biến áp;
- Quyết định số 366/EVN/HĐQT-KTDT ngày 28/12/2000 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam), về việc ban hành định mức dự toán sửa chữa lưới điện;
- Quy trình cấp điện trong bộ quy trình kinh doanh của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, ban hành kèm theo quyết định số 622/QĐ-EVN NPC ngày 15/5/2012 của NPC;

Nội dung công việc:

Loại hộp (công tơ):

Cột:

Trạm biến áp:

Đội KDBĐ:

Sơ đồ kỹ thuật+ Thuyết minh:

TT	Tên, quy cách vật tư; Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Phần Công ty ĐLHP đầu tư					
I	Vật liệu					Xem mục 1.1
1					
2					
III	Vật tư thu hồi					Xem mục 1.2
1					
2					
B	Phần KH thanh toán					
I	Vật liệu					Xem mục 1.3
1					
2					
II	Nhân công					Xem mục 1.4
1	Nhân công khảo sát, lập dự toán	công				

TT	Tên, quy cách vật tư; Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
2	Nhân công kéo rải dây, đầu nối hoàn chỉnh	công				
3	Nhân công lắp đặt VTTB chính khác nếu có (AB, Ti, Tu)	công				
III	Vận chuyển	k				Xem mục 1.5

TỔNG HỢP PHẦN KHÁCH HÀNG THANH TOÁN

1.	Chi phí vật liệu (A)	A	-
2.	Chi phí nhân công (B)	B	-
3.	Chi phí vận chuyển (C)	C	-
4.	Trực tiếp phí khác (D)	$D=2\%(A+B+C)$	-
5.	Chi phí chung (E)	$E=65\%B$	-
6.	Thu nhập chịu thuế tính trước (F)	$F=6\%(A+B+C+D+E)$	-
	Cộng chi phí trước thuế (G)	$G=A+B+C+D+E+F$	-
	Thuế GTGT 10% (H)	$H=10\%G$	-
	Tổng cộng phần KH thanh toán (I)	$I=G+H$	-

TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Trong đó:

A.	Phần Công ty ĐLHP đầu tư	-
B.	Phần khách hàng thanh toán	-
	Làm tròn phần KH thanh toán:	-

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày tháng năm

KHÁCH HÀNG

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

PHÒNG KH-KT-AT
(hoặc PHÒNG KD)
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu)

Chứng từ số:.....Ngày..... (8)

Số tiền:.....

Thủ quỹ (hoặc kế toán)
(Ký, đóng dấu)

--
-

--
-

Lưu ý: KH không phải nộp thêm bất kỳ khoản chi phí nào ngoài số tiền trên dự toán được duyệt.

Mã CT: 00.00.00.0000.00

DỰ TOÁN BỒI THƯỜNG CÔNG TƠ CHÁY, HỒNG
(Trường hợp cháy, hỏng công tơ do KH)

Tên công trình:

Theo biên bản làm việc giữa.....:

Đại diện là ông (bà):

Chức vụ:

Địa chỉ:

Phường (xã):

Quận (huyện):

TP Hải Phòng

Căn cứ lập dự toán:

- Nghị định 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ, về việc quy định mức lương tối thiểu vùng, áp dụng từ ngày 01/01/2013;
- Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Quyết định số 7606/BCT-NL ngày 05/8/2009 của Bộ Công thương về ban hành tập đơn giá xây dựng chuyên ngành xây lắp công trình đường dây và trạm biến áp;
- Quyết định số 366/EVN/HĐQT-KTDT ngày 28/12/2000 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam), về việc ban hành định mức dự toán sửa chữa lưới điện;
- Quy trình cấp điện trong bộ quy trình kinh doanh của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, ban hành kèm theo quyết định số 622/QĐ-EVN NPC ngày 15/5/2012 của NPC;

Nội dung công việc:

Loại hộp (công tơ):

Cột:

Trạm biến áp:

Đội KDBĐ:

Sơ đồ kỹ thuật+ Thuyết minh:

TT	Tên, quy cách vật tư; Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Phần Công ty ĐLHP đầu tư					
I	Vật liệu					Xem mục 2.1
1					
2					
II	Vật tư thu hồi					Xem mục 2.2
1					
2					
B	Phần KH thanh toán					
I	Vật liệu					Xem mục 2.3
1					
2					
II	Nhân công					Xem mục 2.4
1	Nhân công khảo sát, lập dự toán	công				

TT	Tên, quy cách vật tư; Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
2	Nhân công tháo, lắp công tơ (hộp công tơ)	công				
3	Nhân công tháo, lắp VTTB chính khác (nếu có)	công				
III	Vận chuyển	đồng				Xem mục 2.5

TỔNG HỢP PHẦN KHÁCH HÀNG THANH TOÁN

1.	Chi phí vật liệu (A)	A	-
2.	Chi phí nhân công (B)	B	-
3.	Chi phí vận chuyển (C)	C	-
4.	Trực tiếp phí khác (D)	$D=2\%(A+B+C)$	-
5.	Chi phí chung (E)	$E=65\%B$	-
6.	Thu nhập chịu thuế tính trước (F)	$F=6\%(A+B+C+D+E)$	-
	Cộng chi phí trước thuế (G)	$G=A+B+C+D+E+F$	-
	Thuế GTGT 10% (H)	$H=10\%G$	-
	Tổng cộng phần KH thanh toán (I)	$I=G+H$	-

TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Trong đó:

- A. Phần Công ty ĐLHP đầu tư
- B. Phần khách hàng thanh toán

Làm tròn phần KH thanh toán:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày tháng năm

KHÁCH HÀNG

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

PHÒNG KH-KT-AT
(hoặc **PHÒNG KD**)
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu)

Chứng từ số:.....Ngày.....

Số tiền:.....

Thủ quỹ (hoặc kế toán)

(Ký, đóng dấu)

Lưu ý: KH không phải nộp thêm bất kỳ khoản chi phí nào ngoài số tiền trên dự toán được duyệt.

Mã CT: 00.00.00.0000.00

DỰ TOÁN NÂNG CÔNG SUẤT CÔNG TƠ
(Theo đề nghị của khách hàng)

Tên công trình:

Căn cứ [văn bản đề nghị] của

Đại diện là ông (bà):

Chức vụ:

Địa chỉ:

Phường (xã):

Quận (huyện):

TP Hải Phòng

Căn cứ lập dự toán:

- Nghị định 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ, về việc quy định mức lương tối thiểu vùng, áp dụng từ ngày 01/01/2013;

- Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Quyết định số 7606/BCT-NL ngày 05/8/2009 của Bộ Công thương về ban hành tập đơn giá xây dựng chuyên ngành xây lắp công trình đường dây và trạm biến áp;

- Quyết định số 366/EVN/HĐQT-KTDT ngày 28/12/2000 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam), về việc ban hành định mức dự toán sửa chữa lưới điện;

- Quy trình cấp điện trong bộ quy trình kinh doanh của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, ban hành kèm theo quyết định số 622/QĐ-EVN NPC ngày 15/5/2012 của NPC;

Nội dung công việc:

Loại hộp (công tơ):

Cột:

Trạm biến áp:

Đội KDBĐ:

Sơ đồ kỹ thuật+ Thuyết minh:

TT	Tên, quy cách vật tư; Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Phần Công ty ĐLHP đầu tư					
I	Vật liệu					Xem mục 3.1
1					
2					
II	Vật tư thu hồi					Xem mục 3.2
1					
2					
B	Phần KH thanh toán					
I	Vật liệu					Xem mục 3.3
1					
2					
II	Nhân công					Xem mục 3.4
1	Nhân công khảo sát, lập dự toán	công				

TT	Tên, quy cách vật tư; Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
2	Nhân công tháo, lắp công tơ (hộp công tơ)	công				
3	Nhân công tháo, lắp VTTB chính khác nếu có (cấp 3 pha, AB)	công				
III	Vận chuyển	đồng				Xem mục 3.5

TỔNG HỢP PHẦN KHÁCH HÀNG THANH TOÁN

1.	Chi phí vật liệu (A)	A	-
2.	Chi phí nhân công (B)	B	-
3.	Chi phí vận chuyển (C)	C	-
4.	Trực tiếp phí khác (D)	$D=2\%(A+B+C)$	-
5.	Chi phí chung (E)	$E=65\%B$	-
6.	Thu nhập chịu thuế tính trước (F)	$F=6\%(A+B+C+D+E)$	-
	Cộng chi phí trước thuế (G)	$G=A+B+C+D+E+F$	-
	Thuế GTGT 10% (H)	$H=10\%G$	-
	Tổng cộng phần KH thanh toán (I)	$I=G+H$	-

TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Trong đó:

A.	Phần Công ty ĐLHP đầu tư	-
B.	Phần khách hàng thanh toán	-
	Làm tròn phần KH thanh toán:	-

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày tháng năm

KHÁCH HÀNG	NGƯỜI LẬP	PHÒNG KH-KT-AT	GIÁM ĐỐC
	(Ký, họ tên)	(hoặc PHÒNG KD)	(Ký, đóng dấu)
		(Ký, họ tên)	

Chứng từ số:.....Ngày.....
Số tiền:.....

Thủ quỹ (hoặc kế toán)
(Ký, đóng dấu)

Lưu ý: KH không phải nộp thêm bất kỳ khoản chi phí nào ngoài số tiền trên dự toán được duyệt.

Mã CT: 00.00.00.0000.00

DỰ TOÁN DI CHUYỂN CÔNG TƠ
(Theo đề nghị của khách hàng)

Tên công trình:

Căn cứ [văn bản đề nghị] của

Đại diện là ông (bà):

Chức vụ:

Địa chỉ:

Phường (xã):

Quận (huyện):

TP Hải Phòng

Căn cứ lập dự toán:

- Nghị định 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ, về việc quy định mức lương tối thiểu vùng, áp dụng từ ngày 01/01/2013;

- Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Quyết định số 7606/BCT-NL ngày 05/8/2009 của Bộ Công thương về ban hành tập đơn giá xây dựng chuyên ngành xây lắp công trình đường dây và trạm biến áp;

- Quyết định số 366/EVN/HĐQT-KTDT ngày 28/12/2000 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam), về việc ban hành định mức dự toán sửa chữa lưới điện;

- Quy trình cấp điện trong bộ quy trình kinh doanh của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, ban hành kèm theo quyết định số 622/QĐ-EVN NPC ngày 15/5/2012 của NPC;

Nội dung công việc:

Vi trí cũ: Tháo công tơ (hộp công tơ)....

Loại hộp (công tơ):

Cột:

Trạm biến áp:

Đội KDBĐ:

Vi trí mới: Lắp công tơ (hộp công tơ)....

Loại hộp (công tơ):

Cột:

Trạm biến áp:

Đội KDBĐ:

Sơ đồ kỹ thuật+ Thuyết minh:

TT	Tên, quy cách vật tư; Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Phần Công ty ĐLHP đầu tư					
I	Vật liệu					Xem mục 4.1
1			-		
2			-		
II	Vật tư thu hồi					Xem mục 4.2
1					
2					
B	Phần KH thanh toán					
I	Vật liệu					Xem mục 4.3

TT	Tên, quy cách vật tư; Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1					
2					
II	Nhân công					Xem mục 4.4
1	Nhân công khảo sát, lập dự toán	công				
2	Nhân công tháo, lắp hộp công tơ	công				
3	Nhân công kéo, rải đầu nối cáp	công				
III	Vận chuyển	đồng				Xem mục 4.5

TỔNG HỢP PHẦN KHÁCH HÀNG THANH TOÁN

1. Chi phí vật liệu (A)	A	-
2. Chi phí nhân công (B)	B	-
3. Chi phí vận chuyển (C)	C	-
4. Trực tiếp phí khác (D)	$D=2\%(A+B+C)$	-
5. Chi phí chung (E)	$E=65\%B$	-
6. Thu nhập chịu thuế tính trước (F)	$F=6\%(A+B+C+D+E)$	-
Cộng chi phí trước thuế (G)	$G=A+B+C+D+E+F$	-
Thuế GTGT 10% (H)	$H=10\%G$	-
Tổng cộng phần KH thanh toán (I)	$I=G+H$	-

TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Trong đó:

A. Phần Công ty ĐLHP đầu tư	-
B. Phần khách hàng thanh toán	-
Làm tròn phần KH thanh toán:	-

Bằng chữ:

		Hải Phòng, ngày	tháng	năm
KHÁCH HÀNG	NGƯỜI LẬP	PHÒNG KH-KT-AT	GIÁM ĐỐC	
	(Ký, họ tên)	(hoặc PHÒNG KD)	(Ký, đóng dấu)	
		(Ký, họ tên)		

Chứng từ số:.....Ngày.....

Số tiền:.....

Thủ quỹ (hoặc kế toán)

(Ký, đóng dấu)

Lưu ý: KH không phải nộp thêm bất kỳ khoản chi phí nào ngoài số tiền trên dự toán được duyệt.

Mã CT: 00.00.00.0000.00

DỰ TOÁN KHÔI PHỤC CÔNG TƠ
(Theo đề nghị của khách hàng)

Tên công trình:

Căn cứ [văn bản đề nghị] của

Đại diện là ông (bà):

Chức vụ:

Địa chỉ:

Phường (xã):

Quận (huyện):

TP Hải Phòng

Căn cứ lập dự toán:

- Nghị định 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ, về việc quy định mức lương tối thiểu vùng, áp dụng từ ngày 01/01/2013;

- Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Quyết định số 7606/BCT-NL ngày 05/8/2009 của Bộ Công thương về ban hành tập đơn giá xây dựng chuyên ngành xây lắp công trình đường dây và trạm biến áp;

- Quyết định số 366/EVN/HĐQT-KTDT ngày 28/12/2000 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam), về việc ban hành định mức dự toán sửa chữa lưới điện;

- Quy trình cấp điện trong bộ quy trình kinh doanh của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, ban hành kèm theo quyết định số 622/QĐ-EVN NPC ngày 15/5/2012 của NPC;

Nội dung công việc:

Loại hộp (công tơ):

Cột:

Trạm biến áp:

Đội KDBĐ:

Sơ đồ kỹ thuật+ Thuyết minh:

TT	Tên, quy cách vật tư; Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Phần Công ty ĐLHP đầu tư					
I	Vật liệu					Xem mục 5
1					
2					
II	Vật tư thu hồi					Xem mục 5
1					
2					
B	Phần KH thanh toán					
I	Vật liệu					Xem mục 5
1					
2					
II	Nhân công					Xem mục 5
1	Nhân công kiểm tra, đóng điện	công				

TT	Tên, quy cách vật tư; Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
III	Vận chuyển	đồng				Xem mục 5

TỔNG HỢP PHẦN KHÁCH HÀNG THANH TOÁN

1.	Chi phí vật liệu (A)	A	-
2.	Chi phí nhân công (B)	B	-
3.	Chi phí vận chuyển (C)	C	-
4.	Trực tiếp phí khác (D)	$D=2\%(A+B+C)$	-
5.	Chi phí chung (E)	$E=65\%B$	-
6.	Thu nhập chịu thuế tính trước (F)	$F=6\%(A+B+C+D+E)$	-
	Cộng chi phí trước thuế (G)	$G=A+B+C+D+E+F$	-
	Thuế GTGT 10% (H)	$H=10\%G$	-
	Tổng cộng phần KH thanh toán (I)	$I=G+H$	-

TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Trong đó:

A.	Phần Công ty ĐLHP đầu tư	-
B.	Phần khách hàng thanh toán	-
	Làm tròn phần KH thanh toán:	-
	Bằng chữ:	

Hải Phòng, ngày tháng năm

KHÁCH HÀNG

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

PHÒNG KH-KT-AT
(hoặc PHÒNG KD)
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu)

Chứng từ số:.....Ngày.....

Số tiền:.....

Thủ quỹ (hoặc kế toán)

(Ký, đóng dấu)

--
-

--
-

Lưu ý: KH không phải nộp thêm bất kỳ khoản chi phí nào ngoài số tiền trên dự toán được duyệt.

BẢNG TÍNH ĐƠN GIÁ NHÂN ÁP DỤNG TRONG CÔNG TÁC CÔNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
(Kèm theo QĐ số 2638/QĐ-PCHP, ngày 19/11/2013)

- Mức lương tối thiểu vùng áp dụng Nghị định 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ (vùng 1: 2.350.000đ, vùng 2: 2.100.000đ);
- Vùng I gồm các Quận và huyện Thủy Nguyên, An Dương, An Lão, Vĩnh Bảo; vùng II gồm các huyện còn lại

STT	Bậc thợ	Đơn giá ngày công theo QĐ 7606 (ML 650.000)	Hệ số điều chỉnh		Hệ số điều chỉnh theo cấp điện áp (dưới 110kV)	Đơn giá ngày công vùng I	Đơn giá ngày công vùng II	Ghi chú
			Vùng I (2.350.000/650000)	Vùng II (2.100.000/650000)				
1	2	3	4	5	6	7=3*4*6	8=3*5*6	9
1	Bậc 2.0/7	73,670	3.615	3.231	0.90	239,685	214,225	
2	Bậc 2.5/7	79,655	3.615	3.231	0.90	259,158	231,629	
3	Bậc 3.0/7	85,640	3.615	3.231	0.90	278,630	249,033	
4	Bậc 3.5/7	92,730	3.615	3.231	0.90	301,697	269,650	
5	Bậc 4.0/7	99,815	3.615	3.231	0.90	324,748	290,252	
6	Bậc 4.5/7	108,165	3.615	3.231	0.90	351,915	314,533	
7	Bậc 5.0/7	116,510	3.615	3.231	0.90	379,065	338,799	
8	Bậc 5.5/7	126,435	3.615	3.231	0.90	411,356	367,660	
9	Bậc 6.0/7	136,355	3.615	3.231	0.90	443,631	396,507	
10	Bậc 6.5/7	147,855	3.615	3.231	0.90	481,046	429,948	
11	Bậc 7.0/7	159,350	3.615	3.231	0.90	518,445	463,374	

Ghi chú: Các đơn vị căn cứ định mức 366 để xác định bậc thợ cho từng loại công việc để áp dụng đơn giá nhân công theo cột 7 và 8

BẢNG TÍNH CHI PHÍ VẬN CHUYỂN ÁP DỤNG TRONG CÔNG TÁC CÔNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
(Kèm theo QĐ số 2638/QĐ-PCHP, ngày 19/11/2013)

STT	Nội dung công việc	Chi phí cố định	Hệ số điều chỉnh					Tổng chi phí vận chuyển					Ghi chú	
			Dưới 5km	Từ 5- dưới 10km	Từ 10- dưới 15km	Từ 15- dưới 20km	Từ 20km trở lên	Dưới 5km	Từ 5-dưới 10km	Từ 10- dưới 15km	Từ 15- dưới 20km	Từ 20km trở lên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9=3*4	10=3*5	11=3*6	12=3*7	13=3*8	14	
1	Lắp công tơ mới													
	Lắp đặt công tơ 1 pha	50,000	1.2	1.4	1.6	1.8	2.0	60,000	70,000	80,000	90,000	100,000		
	Lắp đặt công tơ 3 pha	70,000	1.2	1.4	1.6	1.8	2.0	84,000	98,000	112,000	126,000	140,000		
2	Bồi thường công tơ													
	Bồi thường công tơ 1 pha	30,000	1.2	1.4	1.6	1.8	2.0	36,000	42,000	48,000	54,000	60,000		
	Bồi thường công tơ 3 pha	50,000	1.2	1.4	1.6	1.8	2.0	60,000	70,000	80,000	90,000	100,000		
	Bồi thường hộp H1,H2, 3 pha	70,000	1.2	1.4	1.6	1.8	2.0	84,000	98,000	112,000	126,000	140,000		
	Bồi thường hộp H3, H4	100,000	1.2	1.4	1.6	1.8	2.0	120,000	140,000	160,000	180,000	200,000		
3	Nâng công suất công tơ													
	Mở hộp thay lê công tơ: Tính như phần bồi thường công tơ cháy													
	Thay hộp công xươg hóa: Tính như phần lắp mới hộp công tơ													
4	Di chuyển hộp công tơ													
	Tính như phần lắp mới hộp công tơ													

Ghi chú: - Các đơn vị căn cứ quãng đường vận chuyển và công việc thực hiện để áp dụng chi phí vận chuyển cho phù hợp

LƯC TRÍCH MỘT SỐ ĐỊNH MỨC NHÂN CÔNG THẢO LẮP CÁP, CÔNG TƠ, APTOMAT
(Kèm theo QĐ số 2678/QĐ-PCHP, ngày 19/11/2013)

- Vận dụng Định mức dự toán sửa chữa lưới điện ban hành Quyết định số 366/EVN/HĐQT-KTDT ngày 28/12/2000 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam)

STT	Số hiệu định mức	Bậc thợ	Nội dung công việc	ĐVT	Số công	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1	366/16.08.10	4,0/7	Lắp đặt công tơ 1 pha	công/cái	0.230	Nếu lắp trên cột vuông nhân với hệ số 1,3; nếu cột ly tâm nhân với hệ số 1,5
2	366/16.08.10	4,0/7	Lắp đặt công tơ 3 pha	công/cái	0.380	
3	366/16.08.20	4,0/7	Lắp đặt công tơ 3 pha có biến dòng	công/cái	1.380	
4	366/16.08.30	4,0/7	Tháo gỡ công tơ 1 pha, 3 pha	công/cái	0.180	
5	366/16.08.40	4,0/7	Tháo gỡ công tơ 3 pha có biến dòng	công/cái	1.100	
6	366/16.07.20	4,0/7	Lắp đặt Aptomat 3 pha (có $I \leq 50A$)	công/cái	0.500	
7	366/16.07.20	4,0/7	Lắp đặt Aptomat 3 pha (có $I \leq 100A$)	công/cái	0.700	
8	366/16.07.20	4,0/7	Lắp đặt Aptomat 3 pha (có $I \leq 150A$)	công/cái	0.850	
9	366/16.07.20	4,0/7	Lắp đặt Aptomat 3 pha (có $I \leq 200A$)	công/cái	1.500	
10	366/16.07.40	4,0/7	Tháo gỡ Aptomat 3 pha (có $I \leq 100A$)	công/cái	0.560	
11	366/16.04.60	3,5/7	Lắp đặt dây ra sau công tơ (cáp M2*4)	công/m	0.028	Phần tháo gỡ dây nhân với hệ số 0,8
12	366/16.04.60	3,5/7	Lắp đặt dây ra sau công tơ (cáp 3 pha)	công/m	0.040	
13	366/16.09.20	4,0/7	Lắp hộp công tơ H1,2 và 3 pha	công/hộp	0.700	
14	366/16.09.20	4,0/7	Lắp hộp công tơ H3,4	công/hộp	0.900	
15	366/16.09.30	4,0/7	Tháo hộp công tơ H1,2 và 3 pha	công/hộp	0.400	
16	366/16.09.30	4,0/7	Tháo hộp công tơ H3,4	công/hộp	0.560	

Lưu ý: Các đơn vị có thể tải File mềm biểu mẫu tại địa chỉ: \\10.10.0.2\drvpt\Dung chung\Bieu mau dich vu